

Số: 2565 /QĐ-UBND

An Giang, ngày 29 tháng 05 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế trong lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh An Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 248/QĐ-BNNMT ngày 20 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 306/TTr-SNNMT ngày 10 tháng 3 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) được sửa đổi, bổ sung, thay thế trong lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh An Giang, gồm: Cấp tỉnh được sửa đổi, bổ sung 19 TTHC và được thay thế 04 TTHC; Cấp xã được sửa đổi, bổ sung 01 TTHC.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

- Bãi bỏ Quyết định số 608/QĐ-UBND ngày 23/4/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa trong lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang;

- Bãi bỏ Quyết định số 1113/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định này xây dựng quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan công khai thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này cung cấp, tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC - BTP;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng Kinh tế;
- Trung tâm Phục vụ HCC;
- Lưu: VT, nvthanh.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Phong

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ TRONG LĨNH VỰC
TÀI NGUYÊN NƯỚC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT VÀ PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG**

(Kèm theo Quyết định số 2565 /QĐ-UBND ngày 29 tháng 05 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
01	1.004232.000.00.00.H01	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000m ³ /ngày đêm	30 ngày làm việc	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bru chính gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang; - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn	Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định mức thu, chế độ thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đề án, báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh An Giang (Đề án thiết kế giếng có lưu lượng nước dưới 200m ³ /ngày - đêm: 200.000 đồng/đề án, báo cáo; Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng nước từ 200m ³ /ngày - đêm đến dưới 500m ³ /ngày - đêm: 550.000 đồng/đề án, báo cáo; Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng nước từ 500m ³ /ngày - đêm đến 1.000m ³ /ngày - đêm: 1.300.000 đồng/đề án, báo cáo;	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024; - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ.

					Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng nước trên 1.000m³/ngày - đêm: 2.500.000 đồng/đề án, báo cáo); Nghị quyết số 122/2018/NQ-HĐND ngày 08/01/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định phí thăm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; phí thăm định đề án khai thác, sử dụng nước biển, nước mặt; phí thăm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (Đối với đề án, báo cáo có lưu lượng nước dưới: 400 m³/ngày đêm đồng/đề án, báo cáo; Đối với đề án, báo cáo có lưu lượng nước từ 200 m³ đến dưới 500 m³/ngày đêm: 1.400.000 m³/ngày đêm đồng/đề án, báo cáo; Đối với đề án, báo cáo có lưu lượng nước từ 500 m³ đến dưới 1.000 m³/ngày đêm: 3.400.000 m³/ngày đêm đồng/đề án, báo cáo; Đối với đề án, báo cáo có lưu lượng nước từ 1.000 m³ đến dưới 3.000 m³/ngày đêm: 6.000.000 m³/ngày đêm đồng/đề án, báo cáo);	
--	--	--	--	--	---	--

					Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 01/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang áp dụng Nghị quyết quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh An Giang, tỉnh Kiên Giang ban hành trước ngày 01/07/2025 thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.	
02	1.004228.000.00.00.H01	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000m ³ /ngày đêm	24 ngày làm việc	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bru chính gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang; - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn	Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định mức thu, chế độ thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đề án, báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh An Giang (áp dụng mức thu bằng 50% mức thu theo quy định); Nghị quyết số 122/2018/NQ-HĐND ngày 08/01/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định phí thăm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; phí thăm định đề án khai thác, sử dụng nước biển, nước mặt; phí thăm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (áp dụng mức	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ.

					thu bằng 50% mức thu theo quy định); Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 01/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang áp dụng Nghị quyết quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh An Giang, tỉnh Kiên Giang ban hành trước ngày 01/07/2025 thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.	
03	1.004223.000.00.00.H01	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000m ³ /ngày đêm	30 ngày làm việc	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bru chính gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang; - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn	Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định mức thu, chế độ thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh An Giang (Đề án, báo cáo kết quả thi công giếng thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất có lưu lượng dưới 200m³/ngày - đêm: 200.000 đồng/đề án, báo cáo; Đề án, báo cáo kết quả thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất có lưu lượng từ 200m³ đến dưới 500m³/ngày - đêm: 700.000 đồng/đề án, báo cáo; Đề án, báo cáo kết quả thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất có lưu lượng nước từ 500m³ đến dưới 1.000m³/ngày - đêm: 1.700.000	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ.

					đồng/đề án, báo cáo; Đề án, báo cáo kết quả thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất có lưu lượng nước từ 1.000m³ đến dưới 3.000 m³/ngày - đêm: 1.700.000 đồng/đề án, báo cáo); Nghị quyết số 122/2018/NQ-HĐND ngày 08/01/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định phí thăm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; phí thăm định đề án khai thác, sử dụng nước biển, nước mặt; phí thăm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (Đối với đề án, báo cáo có lưu lượng nước dưới: 400 m³/ngày đêm đồng/đề án, báo cáo; Đối với đề án, báo cáo có lưu lượng nước từ 200 m³ đến dưới 500 m³/ngày đêm: 1.400.000 m³/ngày đêm đồng/đề án, báo cáo; Đối với đề án, báo cáo có lưu lượng nước từ 500 m³ đến dưới 1.000 m³/ngày đêm: 3.400.000 m³/ngày đêm đồng/đề án, báo cáo; Đối với đề án, báo cáo có lưu lượng nước từ 1.000 m³ đến dưới 3.000 m³/ngày đêm:	
--	--	--	--	--	--	--

					6.000.000 m ³ /ngày đêm đồng/đề án, báo cáo); Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 01/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang áp dụng Nghị quyết quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh An Giang, tỉnh Kiên Giang ban hành trước ngày 01/07/2025 thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.	
04	1.004211.000.00.00.H01	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	24 ngày làm việc	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bru chính gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang; - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn	Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định mức thu, chế độ thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đề án, báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh An Giang (áp dụng mức thu bằng 50% mức thu theo quy định); Nghị quyết số 122/2018/NQ-HĐND ngày 08/01/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định phí thăm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; phí thăm định đề án khai thác, sử dụng nước biển, nước mặt; phí thăm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ.

					tỉnh Kiên Giang (áp dụng mức thu bằng 50% mức thu theo quy định); Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 01/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang áp dụng Nghị quyết quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh An Giang, tỉnh Kiên Giang ban hành trước ngày 01/07/2025 thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.	
05	1.004179.000.00.00.H01	Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP)	30 ngày làm việc	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bru chính gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang; - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn	Nghị quyết số 122/2018/NQ-HĐND ngày 08/01/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định phí thăm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; phí thăm định đề án khai thác, sử dụng nước biển, nước mặt; phí thăm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (Đối với đề án khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển để phục vụ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và cho các mục đích khác: với lưu lượng dưới 500 m³/ngày đêm: 600.000 đồng; với lưu lượng từ 500 m³/ngày đêm đến dưới 3.000 m³/ngày đêm: 1.800.000 đồng; với lưu lượng từ 3.000 m³/ngày đêm đến dưới 20.000 m³/ngày	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ.

					đêm: 1.800.000 đồng; với lưu lượng từ 10.000 m³/ngày đêm đến dưới 50.000 m³/ngày đêm: 8.400.000 đồng; Đối với đề án khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản: Với lưu lượng dưới 0,1m³/giây: 450.000 đồng; Với lưu lượng từ 0,1m³ đến dưới 0,5m³/giây: 1.350.000 đồng; Với lưu lượng từ 0,5m³ đến dưới 1m³/giây: 3.300.000 đồng); Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định mức thu, chế độ thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt trên địa bàn tỉnh An Giang (Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho phát điện với công suất dưới 50 kw hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 500 m³/ngày - đêm: 300.000 đồng/đề án, báo cáo; Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,1 m³/giây đến dưới 0,5 m³/giây hoặc để phát điện với công suất từ 50 kw đến dưới 200	
--	--	--	--	--	---	--

					kw hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 500 m³/ngày - đêm đến dưới 3.000 m³/ngày - đêm: 900.000 đồng/đề án, báo cáo; ới với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,5 m³/giây đến dưới 1 m³/giây hoặc để phát điện với công suất từ 200 kw đến dưới 1.000 kw hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 3.000 m³/ngày - đêm đến dưới 20.000 m³/ngày - đêm: 2.200.000 đồng/đề án, báo cáo; ới với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 1m³/giây đến dưới 2 m³/giây hoặc để phát điện với công suất từ 1.000 kw đến dưới 2.000 kw hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 20.000 m³/ngày - đêm đến 50.000 m³/ngày - đêm: 4.200.000 đồng/đề án, báo cáo); Nghị quyết số 123/2015/NQ-HĐND ngày 15/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về quy định lệ phí cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (Lệ phí cấp giấy phép khai thác, sử dụng	
--	--	--	--	--	--	--

					nước mặt 150.000 đồng/giấy phép); Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 01/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang áp dụng Nghị quyết quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh An Giang, tỉnh Kiên Giang ban hành trước ngày 01/07/2025 thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.	
06	1.004167.000.00.00.H01	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển	24 ngày làm việc	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bru chính gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang; - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn	Nghị quyết số 122/2018/NQ-HĐND ngày 08/01/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định phí thăm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; phí thăm định đề án khai thác, sử dụng nước biển, nước mặt; phí thăm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (áp dụng mức thu bằng 50% mức thu theo quy định); Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định mức thu, chế độ thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt trên địa bàn tỉnh An Giang (áp	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ.

					dụng mức thu bằng 50% mức thu theo quy định); Nghị quyết số 123/2015/NQ-HĐND ngày 15/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về quy định lệ phí cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (áp dụng Lệ phí cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt 75.000 đồng/giấy phép); Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 01/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang áp dụng Nghị quyết quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh An Giang, tỉnh Kiên Giang ban hành trước ngày 01/07/2025 thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.	
07	1.000824.000.00.00.H01	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	11 ngày làm việc	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang; - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn	Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định mức thu, chế độ thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đề án, báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh An Giang (áp dụng mức thu bằng 50% mức thu theo quy định);	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ; - Nghị định số

					Nghị quyết số 122/2018/NQ-HĐND ngày 08/01/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước biển, nước mặt; phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (áp dụng mức thu bằng 50% mức thu theo quy định); Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định mức thu, chế độ thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt trên địa bàn tỉnh An Giang (áp dụng mức thu bằng 50% mức thu theo quy định); Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 01/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang áp dụng Nghị quyết quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh An Giang, tỉnh Kiên Giang ban hành trước ngày 01/07/2025 thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.	23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ.
--	--	--	--	--	---	--

08	1.011518. 000.00.00 .H01	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	11 ngày làm việc	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang; - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn	Không	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ.
09	1.012500. H01	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	11 ngày làm việc	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang; - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn	Không	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ.

10	1.004122. 000.00.00 .H01	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	13 ngày làm việc	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang; - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn	Nghị quyết số 142/2018/NQ-HĐND ngày 08/01/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định về phí thăm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (Mức thu thăm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất: 1.400.000 đồng/hồ sơ); Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 01/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang áp dụng Nghị quyết quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh An Giang, tỉnh Kiên Giang ban hành trước ngày 01/07/2025 thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ.
11	2.001738. 000.00.00 .H01	Gia hạn giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	07 ngày làm việc	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang; - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn	Nghị quyết số 142/2018/NQ-HĐND ngày 08/01/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định về phí thăm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (Mức thu thăm định gia hạn, bổ sung hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất: 700.000 đồng/hồ sơ); Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 01/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang áp dụng	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ.

					Nghị quyết quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh An Giang, tỉnh Kiên Giang ban hành trước ngày 01/07/2025 thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.	phủ.
12	1.004253.000.00.00.H01	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	06 ngày làm việc	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang; - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn	Không	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ.
13	1.012501.H01	Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	06 ngày làm việc	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang; - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn	Không	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ;

						- Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ.
14	2.001770.000.00.00.H01	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành	30 ngày làm việc (trường hợp nộp cùng với hồ sơ đề nghị cấp phép khai thác tài nguyên nước). 24 ngày làm việc (trường hợp nộp cùng với hồ sơ đề nghị gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác tài nguyên nước)	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang; - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn	Không	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ.
15	1.004283.000.00.00.H01	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	24 ngày làm việc (trường hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 Nghị định	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang; - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ	Không	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025; - Nghị định số

			số 54/2024/NĐ -CP ngày 16/05/2024 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung bởi khoản 33 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ -CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ). 11 ngày làm việc (trường hợp theo quy định tại điểm b, c, d, đ, e, g, h, l và k khoản 1 Điều 52 Nghị định số 54/2024/NĐ -CP ngày 16/05/2024 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung bởi	dichvucong.gov.vn		54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ.
--	--	--	---	-------------------	--	--

			khoản 33 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ -CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ).			
16	1.012503. H01	Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất	12 ngày làm việc	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bru chính gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang; - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn	Không	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ.
17	1.012504. H01	Lấy ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất	12 ngày làm việc	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bru chính gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang; - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ	Không	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025; - Nghị định số

				dichvucong.gov.vn		54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ.
18	2.001850.000.00.00.H01	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước của hồ chứa thủy điện	29 ngày làm việc	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang; - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn	Không	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ.
19	1.013799.H01	Lấy ý kiến về tác động của công trình khai thác nước	26 ngày làm việc	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang; - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn	Không	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày

						16/5/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ.
--	--	--	--	--	--	---

2. Danh mục thủ tục hành chính được thay thế

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
01	1.012502.H01	Đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch	Đăng ký khai thác nước mặt, nước biển, đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch	07 ngày làm việc	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang; - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn	Không	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025; - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ.
02	1.011516	Đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển					
03	1.012505.H01	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành hoặc đối với công trình cấp cho sinh		- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang; - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ	Không	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025; - Nghị định số

		nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền	hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền	11 ngày làm việc	dichvucong.gov.vn		23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ.
04	1.009669.000.00.00.H01	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành					

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CẤP XÃ

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
01	1.001662.000.00.00.H01	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	07 ngày làm việc	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu; - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn	Không	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ.